

TRAO ĐỔI MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ NGÂN HÀNG

PGS.TS. Phạm Văn Năng

Trường ĐHKT TP.HCM

Tôi rất tâm đắc với đề tài nghiên cứu của tập thể tác giả về tự do hóa tài chính và hội nhập ngân hàng. Đây là một đề rất thời sự và cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu, đóng góp bởi vì hiện nay tự do tài chính và vấn đề hội nhập ngân hàng là 2 lĩnh vực rất sôi động và nóng bỏng như các bản tham luận của các nhà khoa học, chuyên viên tham dự hội thảo này, các tham luận đã đi sâu vào lĩnh vực tự do hóa tài chính và hội nhập ngân hàng. Đối với lĩnh vực tự do hóa tài chính, tôi xin đề cập đến vấn đề miễn giảm thuế quan và lộ trình cắt giảm phi thuế quan, đây là một thách thức lớn đối với chúng ta trong khối ASEAN. Vì theo Hiệp định ưu đãi thuế quan (CEPT) có hiệu lực chung cho khu vực do mậu dịch ASEAN tức là AFTA có lộ trình nhất định, đến năm 2006 thì các mặt hàng nằm trong chương trình có thuế suất lớn hơn 20% đều phải giảm xuống thấp hơn hoặc bằng 20%, những nước thành viên mới của ASEAN trong đó có Việt Nam sẽ giảm thuế nhập khẩu của tất cả các mặt hàng xuống 0% vào năm 2015, trừ một số ít mặt hàng có thể có sự linh hoạt nhưng thời hạn cuối cùng cũng không thể vượt quá năm 2018; đây là một thách thức trong tự do hóa tài chính; miễn giảm thuế nhập khẩu và tháo gỡ hàng rào phi thuế quan.

Vừa qua, có những dấu hiệu lạc quan, Việt Nam với tư cách là thành viên của ASEAN, của AFTA, của CEPT thì không lùi bước, cam kết thực hiện đúng lộ trình. Bộ trưởng Tài chính Nguyễn Sinh Hùng đã phát biểu là các nước khác có thể lùi nhưng Việt Nam thì không được lùi. Vừa qua, một số nước gặp khó khăn về kinh tế tài chính thì đề nghị gia hạn kéo dài thêm.

Cụ thể tính đến năm 2000 Việt Nam đã đưa 4.320 mặt hàng vào danh mục cắt giảm thuế nhập khẩu. Theo đề án của Chính phủ, đến năm 2003 chúng ta tiếp tục đưa vào danh mục cắt giảm 1900 mặt hàng khác; Chính phủ đã thông qua lịch trình cắt giảm thuế tổng thể cho 6.130 mặt hàng trong giai đoạn 2001 – 2006 xuống mức thuế suất từ 0% đến 5%. Đến năm 2015 chúng ta cam kết với AFTA sẽ giảm các mặt hàng nhập khẩu xuống còn 0% trong khu vực tự do mậu dịch AFTA. Đây là dấu hiệu vừa thách thức mà cũng rất là lạc quan. Các nước trong khối ASEAN áp dụng những chính sách ưu đãi đối với các hàng xuất khẩu của chúng ta.

Về vấn đề hội nhập ngân hàng, Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ bắt đầu có hiệu lực. Đây là một thành công rất lớn về mặt ngoại giao và kinh tế. Khi chúng ta thâm nhập thị trường Mỹ đòi hỏi những thách thức mới về vấn đề hội nhập kinh tế và nó kéo theo hàng loạt các định chế khác để phục vụ Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ có hiệu lực. Nói đến hội nhập thì chúng ta phải kèm theo là vấn đề cạnh tranh. Lĩnh vực tài chính ngân hàng cạnh tranh rất gay gắt. Tôi cũng đồng ý với ý kiến của các GS, TS là trong thời gian tới đây khi chúng ta thực hiện Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ

trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thì sẽ có sự cạnh tranh hết sức gay gắt. Ở đây tôi chỉ đề cập đến lĩnh vực ngân hàng, khi hội nhập về ngân hàng thì vấn đề đầu tiên chúng ta cần phải tính đến là những khó khăn về phía hệ thống ngân hàng Việt Nam khi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ có hiệu lực. Các ngân hàng nước ngoài hoạt động ở Việt Nam cũng được huy động vốn, huy động tiền gửi tiết kiệm... như các ngân hàng trong nước. Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có vốn điều lệ 15 triệu USD, còn ngân hàng mẹ thì có vốn đến hàng tỷ USD. Đối với các ngân hàng trong nước, theo số liệu thống kê trong 46 Ngân hàng Thương mại cổ phần đang hoạt động, thì chỉ có khoảng 10 ngân hàng có vốn điều lệ trên 100 tỷ VND tức là chỉ khoảng 7 triệu USD. Trong hoạt động ngân hàng, vốn càng mạnh thì càng có lợi thế, đây là cái yếu của mình khi bàn về vấn đề hội nhập.

Một vấn đề khác khi hội nhập ngân hàng là tình hình tài chính của ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng của nước Mỹ, của các nước khác không có tình hình nợ nần chồng chất như các ngân hàng ở Việt Nam. Theo số liệu thống kê hiện nay khoảng trên 300.000 tỷ VND công nợ của các ngân hàng thương mại, trong đó 2/3 các doanh nghiệp Nhà nước nợ ngân hàng thương mại. Với tình hình tài chính đó gây khó khăn không ít cho hệ thống ngân hàng Việt Nam khi hội nhập. Chúng ta hết sức tích cực tái cấu trúc vốn, nhiều đề án được đề xuất nhằm tăng vốn điều lệ cho hệ thống ngân hàng ở Việt Nam mà trước hết là 4 ngân hàng quốc doanh (vừa qua Bộ Tài chính đã có quyết định cấp bổ sung 4.700 tỷ VND cho 4 ngân hàng thương mại quốc doanh). Trong vấn

đề xử lý nợ của hệ thống ngân hàng chỉ có ngân hàng thương mại cổ phần xuất – nhập khẩu (Eximbank) là khả quan nhất. theo công bố trên báo chí, Eximbank sẽ thanh toán dứt điểm các công nợ vào cuối năm 2002. Trong những năm qua ngân hàng này đã thu được nhiều lợi nhuận trong kinh doanh ngoại hối nên trong xử lý nợ Eximbank đạt được nhiều kết quả nhất. Điều mà chúng ta cần lưu ý trong quá trình hội nhập và cạnh tranh với các nước là vấn đề về tái cấu trúc vốn, sắp xếp lại hệ thống ngân hàng.

Khi hội nhập thì chúng ta phải cạnh tranh trong dịch vụ ngân hàng với các ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài dịch vụ của họ hết sức đa dạng, phong phú và hiện đại đã được áp dụng hàng vài chục năm. Vấn đề của chúng ta hiện nay là vấn đề về thanh toán điện tử. Chúng ta phải phát triển nhanh, đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng thì mới có thể hội nhập với các ngân hàng nước ngoài được. Hiện nay có nhiều ngân hàng đang và sẽ đầu tư, trang bị máy rút tiền tự động có thể sẽ dẫn đến lãng phí. Thẻ của ngân hàng này đưa vào máy của ngân hàng khác thì không rút tiền được. Tại sao chúng ta không liên kết các ngân hàng với nhau hoặc có một tổ chức đứng ra để thanh toán chung; chúng ta có thể đầu tư, trang bị hệ thống máy rút tiền tự động chung sẽ hiệu quả hơn và tránh lãng phí vì thẻ của bất kỳ ngân hàng nào cũng có thể rút tiền được. Chắc vì lẽ chi phí đầu tư cao nên hiện nay có vài ngân hàng thương mại cổ phần (Á Châu, Đông Á...) không đầu tư trang bị máy ATM mà bố trí nhân viên của họ ở những nơi có nhu cầu (siêu thị,

sân bay, chợ...) để trả tiền mặt trực tiếp cho khách hàng sử dụng thẻ.

Một yếu tố khác hết sức quan trọng để quyết định sự thành công trong lĩnh vực kinh doanh của ngân hàng là trình độ quản lý và vấn đề đội ngũ nhân viên. Về mặt này các ngân hàng ở nước ngoài thuận lợi hơn các ngân hàng ở Việt Nam vì có nhiều kinh nghiệm trong quản lý điều hành trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, họ ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu khác của khoa học kỹ thuật hiện đại vào hoạt động ngân hàng.

Tóm lại, trong quá trình hội nhập ngân hàng, sẽ diễn ra quá trình cạnh tranh hết sức gay gắt. Nhưng chúng ta tin tưởng rằng với hệ thống ngân hàng có mạng lưới rộng khắp của chúng ta, với hàng loạt cải cách ngân hàng những năm qua và thời gian tới, với đề án sắp xếp lại hệ thống ngân hàng, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, lành mạnh hóa tài chính ngân hàng, chắc chắn chúng ta sẽ đứng vững trong cuộc cạnh tranh này.

Về phương diện lý luận, tôi xin mạnh dạn đưa ra một vài điểm mang tính gợi ý cho buổi hội thảo, đồng thời cũng là ý kiến đóng góp cho nhóm nghiên cứu đề tài.

Hầu hết các nước phát triển và đang phát triển đều đã thực hiện tự do hóa tài chính từ khoảng 2 thập kỷ trở lại đây, cả về lý luận và thực tiễn đều cho thấy tự do hóa tài chính đã và đang tạo ra quá trình cạnh tranh bình đẳng trong các hoạt động tài chính, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Những bài học kinh nghiệm từ những nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật, Đức, Pháp...

những nước ở Châu Á như Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Asean như Singapore, Indonesia, Malaysia, Philippines... và tự do hóa tài chính với những tác động tích cực của nó khiến cho nhiều nước, trong đó có Việt Nam cần quan tâm.

Thực tế ở Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đang áp dụng các chính sách và biện pháp mà theo tôi: những chính sách và biện pháp đó đang là quá trình chuyển hướng để đạt đến tự do hóa tài chính trong tương lai gần.

Theo tôi, giải quyết vấn đề tự do hóa tài chính, cần quan tâm 2 nội dung lớn sau đây:

Một là, các điều kiện để tự do hóa tài chính đã đáp ứng ở mức độ nào. Tôi cho rằng cần phân tích 4 vấn đề:

- Môi trường kinh tế vĩ mô đã ổn định chưa! (Kinh tế tăng trưởng, lạm phát đã được kiểm soát ở mức độ hợp lý, ngân sách Nhà nước đã cân bằng và ổn định).
- Hành lang pháp lý đồng bộ, đầy đủ và hoàn chỉnh chưa. Tôi cho đây là vấn đề rất quan trọng. Bởi vì khi ta thực hiện đổi mới trong công tác quản lý. Thay quản lý bằng công cụ hành chính mệnh lệnh bằng các công cụ kinh tế khách quan, nếu không có hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ, đồng bộ để hướng dẫn, chi phối các hoạt động thì hậu quả sẽ rất lớn.
- Hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng có thực sự ổn định và hoạt động hiệu quả.

- Thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng có vận hành ổn định và gây hiệu ứng tốt với nền kinh tế xã hội.

Bốn vấn đề nêu trên nếu đáp ứng được yêu cầu ở một mức độ nào đó, thì vấn đề chuyển hướng tự do hóa tài chính sẽ được thực hiện một cách thuận lợi, đồng thời tránh được những tác động đột biến ngoài ý muốn.

Hai là, những nội dung cơ bản của tự do hóa tài chính: Theo tôi để tự do hóa tài chính cần giải quyết những nội dung lớn sau đây:

1. Thực hiện cơ chế tự do hóa lãi suất: Việt Nam đã từng bước tiến tới tự do hóa lãi suất :

Thời kỳ bao cấp: Nhà nước ấn định lãi suất (bao gồm tiền gửi tiết kiệm, cho vay).

Thời kỳ đổi mới: Xóa bỏ dần dần sự can thiệp của Chính phủ vào lãi suất tín dụng. Chuyển sang công bố lãi suất trần, lãi suất sàn, tiếp đó bỏ lãi suất sàn, chỉ công bố trần lãi suất. Từ tháng 8/2000 bỏ lãi suất trần chuyển sang công bố lãi suất cơ bản với biên độ tối đa được phép cộng vào để các NHTM xác định lãi suất cho vay. Từ tháng 6/2002, chuyển sang cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận. Thực chất là tự do hóa lãi suất. Rõ ràng là chúng ta đã có một quá trình chuyển đổi thận trọng nhưng chắc chắn.

2. Thay đổi cơ chế quản lý tỷ giá hối đoái và các dòng vốn. Tương tự như cơ chế quản lý lãi suất, cơ chế quản lý tỷ giá hối đoái cũng đã và đang từng bước nới lỏng sự can thiệp để tiến tới thực hiện cơ chế thả nổi tỷ giá có quản lý.

Thời kỳ bao cấp: Nhà nước ấn định tỷ giá mậu dịch và tỷ giá phi mậu dịch (tỷ giá cứng).

Thời kỳ đổi mới: Bãi bỏ tỷ giá mậu dịch và tỷ giá phi mậu dịch, nhưng lại công bố tỷ giá chính thức với biên độ dao động lúc tăng lúc giảm tùy theo yêu cầu thực tế. Từ tháng 2/1999 chấm dứt công bố tỷ giá chính thức và chuyển sang công bố tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng cho đến nay. Cánh cửa tự do hóa tỷ giá hối đoái đã hé mở, trong tương lai gần chúng ta có thể áp dụng cơ chế này.

3. Nới lỏng cơ chế kiểm soát tín dụng theo hướng:

Mở rộng tín dụng cho các thành phần kinh tế.

- Chống bao cấp qua tín dụng.
- Xóa bỏ những rào cản, những ràng buộc trong hoạt động tín dụng, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo môi trường thông thoáng cho việc cung ứng vốn tín dụng đối với nền kinh tế.

4. Xây dựng hệ thống ngân hàng nội địa mạnh đi đôi với việc nới lỏng và xóa bỏ những giới hạn đối với các trung gian tài chính nước ngoài.

Tự do hóa tài chính, đồng nghĩa với việc cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức tài chính, nghĩa là không còn có sự phân biệt đối xử, điều đó đòi hỏi phải xây dựng hệ thống ngân hàng nội địa mạnh (gồm vốn, công nghệ ngân hàng, và đội ngũ cán bộ quản lý) mới có thể đứng vững trong cạnh tranh.

Bên cạnh việc xây dựng và phát triển hệ thống ngân hàng mạnh, cần có biện pháp để đa dạng hóa các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Được biết, tỷ lệ doanh thu dịch vụ trên tổng doanh thu của hệ thống ngân hàng Việt Nam rất thấp, nếu có biện pháp thì hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể nâng tỷ trọng thu dịch vụ, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng.

5. Một số nội dung khác (như vấn đề mở cửa thị trường chứng khoán, chuyển đổi đồng tiền...)

Tôi cho rằng tự do hóa tài chính và hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng là xu hướng có tính khách quan, phù hợp với thực tiễn của hệ thống kinh tế tài chính quốc tế. Tuy nhiên, cách làm và bước đi cần phải thận trọng nhưng dứt khoát vừa phù hợp với lộ trình mà Chính phủ Việt Nam cam kết, vừa phù hợp với thực tiễn Việt Nam thì mới mang lại kết quả tốt đẹp.